

Bản án số: 31/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 08/9/2020

“V/v kiện xin ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐỒNG HỚI, TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Lệ

Các hội thẩm nhân dân:

1. Bà: Dương Thị Hồng Liên

2. Ông: Dương Đức Bản

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Tâm - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới

Trong ngày 08/9/2020 tại Hội trường Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 113/2020/TLST-HNGĐ ngày 13/5/2020 về việc kiện “xin ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 68/2020/QĐST-HNGĐ ngày 11/8/2020, Quyết định hoãn phiên tòa số: 38/2020/QĐST-DS ngày 26 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Hồ Thị L; sinh năm 1989.

Địa chỉ: Số 49 L, Phường H (Nay là phường M), thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình. Có mặt.

Bị đơn: Anh Lê Văn D; sinh năm 1989.

Địa chỉ: Số 49 L, Phường H (Nay là phường M), thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt lần thứ hai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 04/5/2020, được bổ sung tại bản tự khai, các phiên hòa giải và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn chị Hồ Thị L trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân:

Chị Hồ Thị L và anh Lê Văn D đăng ký kết hôn vào ngày 23/4/2014 tại UBND phường H (Nay là phường M), thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình, việc kết hôn tự nguyện không ai ép buộc. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu là do anh D thường xuyên đi nhậu về là đập phá, xúc phạm khủng bố tinh thần chị, bạo lực gia đình xảy ra thường xuyên, anh D không có ý thức để cùng vun vén gia đình, sau khi sinh con hai vợ chồng thường xuyên cãi nhau, mâu thuẫn ngày càng tăng. Bản thân chị L vì thương con nên đã bỏ qua cho anh nhiều lần nhưng anh vẫn chứng nào từng ấy. Hiện nay hai vợ chồng đã sống ly thân, chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn thương yêu nhau nữa, nên nguyện vọng chị xin được ly hôn với anh Lê Văn D.

Tại bản tự khai, các buổi hòa giải, anh Lê Văn D trình bày thời gian, địa điểm đăng ký kết hôn như chị L trình bày, việc đăng ký kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, không ai ép buộc. Sau khi kết hôn thì vợ chồng sống hạnh phúc với nhau một thời gian thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bản thân anh làm ăn thua lỗ, thất bại, từ đó tình cảm ít dành cho gia đình, vợ con, nhưng bản thân anh D vẫn yêu thương vợ. Bản thân anh mong vợ chồng đoàn tụ để cùng nhau nuôi dạy con, những lỗi lầm của anh sẽ cố khắc phục. Nguyện vọng anh Lê Văn D mong muốn vợ chồng đoàn tụ.

- Về con chung:

Chị L và anh D cùng khai có 01 con chung: Là cháu Lê Ngọc A, sinh ngày 12/04/2015 tại bản tự khai cũng như các phiên hòa giải chị L đều có nguyện vọng xin được nuôi con là cháu Lê Ngọc A vì cháu hiện đang sống chung cùng chị và chị yêu cầu anh D đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 500.000 đồng (Năm trăm ngàn đồng) cho đến khi con tròn 18 tuổi.

Tại bản tự khai nguyện vọng của anh D mong muốn được nuôi con, nhưng tại biên bản hòa giải ngày 24/06/2020 anh D đồng ý giao con cho chị Hồ Thị L nuôi anh đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 500.000 đồng (Năm trăm ngàn đồng) đến khi cháu Ngọc A tròn 18 tuổi.

- Về tài sản chung: Chị L, anh D đều khai không có, tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới đã tiến hành triệu tập các bên đương sự đến làm bản tự khai, tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và tiến hành hai phiên hòa giải nhưng anh chị không thống nhất được các mối quan hệ, anh chị cũng không mong muốn tiếp tục hòa giải. Do đó vụ án thuộc trường hợp hòa giải không thành.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả hỏi tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Chị Hồ Thị L có đơn yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới giải quyết ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự; là nơi bị đơn anh Lê Văn D có địa chỉ cư trú tại: Phường H (nay là phường M), thành phố Đ. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới. Sau khi thụ lý vụ án theo đúng thẩm quyền, Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới đã ra thông báo thụ lý vụ án và gửi cho các bên đương sự kèm theo giấy triệu tập đến Tòa án để làm bản tự khai. Tòa án tiến hành thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và tiến hành hai phiên hòa giải theo quy định của pháp luật. Qua quá trình hòa giải các bên không thống nhất được các mối quan hệ nên hòa giải không thành. Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử theo đúng luật định.

[2] Về nội dung :

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Chị Hồ Thị L và anh Lê Văn D đã xây dựng gia đình với nhau trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền, nên đây là một cuộc hôn nhân hợp pháp. Đáng lẽ ra anh, chị phải biết thương yêu, quý trọng chăm sóc lẫn nhau, nhằm xây dựng một gia đình hạnh phúc. Nhưng anh chị đã không làm được điều đó để giữ gìn hôn nhân bền vững mà lại để xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do hai bên không hợp nhau về tính cách, thiếu thông cảm chia sẻ những khó khăn trong cuộc sống, hơn nữa bất đồng quan điểm trong cách sống, không tìm được tiếng nói chung sau đó để mặc cuộc sống gia đình, sống ly thân, ai lo việc nấy không quan tâm gì đến nhau. Chị L cho rằng do tính cách của anh D không tôn trọng chị, thường xuyên xúc phạm, vô cớ đánh đập chị. Còn anh D cho rằng vì làm ăn thua lỗ dẫn đến có nhiều lời lẽ thiếu tế nhị đối với chị, nhưng anh thấy rằng không có mâu thuẫn gì trầm trọng, mong muốn của anh là đoàn tụ gia đình để nuôi dạy con chung. Nhưng quá trình giải quyết anh D không có biện pháp gì để khắc phục, níu kéo hôn nhân mà để mặc cuộc sống ai làm việc đó không còn quan tâm đến nhau, không cùng nhau ngồi lại trao đổi để cùng nhau có biện pháp khắc phục. Điều đó thể hiện rằng mâu thuẫn vợ chồng là có, không có biện pháp khắc phục, tình cảm vợ chồng đã thực sự không thể níu kéo, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng không thể sống chung hạnh phúc nên cần thiết phải cho chị L được ly hôn anh D là hoàn toàn phù hợp với quy định tại Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về quan hệ con chung:

Chị L và anh D đều thừa nhận quá trình chung sống có 01 con chung tên là Lê Ngọc A, sinh ngày 12/04/2015. Anh chị thỏa thuận để con cho chị L nuôi và anh đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 500.000 đồng. Hội đồng xét xử thấy rằng sự thỏa thuận của anh chị hoàn toàn tự nguyện, hiện nay con còn nhỏ cần sự chăm sóc của người mẹ, hơn nữa từ nhỏ đến nay cháu đang sống với chị L nên việc giao con chung cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng là hoàn toàn phù hợp về điều kiện và nguyện vọng của chị L và anh D. Vì vậy chị L yêu cầu anh D đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con hàng tháng mỗi tháng 500.000 đồng (Năm trăm ngàn đồng) cho đến khi con tròn 18 tuổi là phù hợp với điều kiện hiện nay của anh D chưa có việc làm ổn định và phù hợp với Điều 81, 82, 83 luật HNGĐ năm 2014.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung:

Chị Hồ Thị L và anh Lê Văn D đều khai là không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 51, 56, Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 khoản 4 Điều 147, Điều 273 bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí lệ phí Tòa án:

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân:

Tuyên xử cho chị Hồ Thị L được ly hôn anh Lê Văn D.

2. Về con chung:

Tuyên xử: Giao 01 con chung là cháu Lê Ngọc A, sinh ngày: 12/04/2015 cho chị Hồ Thị L trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, anh Lê Văn D đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con hàng tháng, mỗi tháng 500.000 đồng, kể từ tháng 10/2020 đến khi cháu Lê Ngọc A tròn 18 tuổi.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm con, không ai được ngăn cản người đó thực hiện quyền này.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Án phí ly hôn sơ thẩm:

Chị Hồ Thị L phải chịu nộp 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) để sung quỹ Nhà nước. Số tiền chị L phải nộp được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đồng Hới theo Biên lai số AA/2017/0006436 ngày 13 tháng 05 năm 2020, chị L đã nộp đủ.

- Án phí cấp dưỡng nuôi con định kỳ:

Anh Lê Văn D phải chịu nộp 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) sung quỹ Nhà nước.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai, nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án hạn trong 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND TP Đồng Hới;
- Chi cục THADS Đồng Hới;
- UBND phường M;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án;

T/M.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Thị Mỹ Lệ